

Số: 2845/QĐ-UBND

Khoái Châu, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp cầu Kim Ngưu
thôn Thượng, xã Khoái Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHOÁI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công; số 217/NĐ-CP ngày 19/06/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 về quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Khoái Châu về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2026-2030 xã Khoái Châu;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 01/06/2026 của UBND xã Khoái Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp cầu Kim Ngưu thôn Thượng, xã Khoái Châu;

Căn cứ Thông báo thẩm định số 69/KQTD-KT ngày 14/10/2026 của Phòng Kinh tế xã Khoái Châu về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Cải tạo, nâng cấp cầu Kim Ngưu thôn Thượng, xã Khoái Châu;

Xét đề nghị của Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Khoái Châu tại Tờ trình số 500/TTr-BQLDA ngày 14/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp cầu Kim Ngưu thôn Thượng, xã Khoái Châu với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp cầu Kim Ngưu thôn Thượng, xã Khoái Châu

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm C; Công trình đường giao thông, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng dự án: xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Khoái Châu.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Khoái Châu.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng và lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Hà Minh; mã số doanh nghiệp: 0901034212.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư Cải tạo nâng cấp cầu Kim Ngưu thôn Thượng xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nhằm rút ngắn quãng đường, tạo điều kiện vận chuyển hàng hóa của Nhân dân và thu hút đầu tư. Đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu ách tắc dòng chảy trong mùa mưa lũ. Kết nối các khu dân cư và mở rộng hạ tầng đô thị, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn xã nói riêng và trên địa bàn tỉnh nói chung..

8. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế chính:

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Xây dựng cầu BTCT và BTCT dự ứng lực tại vị trí cầu hiện trạng;
- Gia cố mái phía thượng, hạ lưu cầu bằng đá hộc xây;
- Hoàn trả mặt đường nhựa 2 bên đầu cầu.

8.2. Các giải pháp kỹ thuật của công trình chính:

a. Xây dựng cầu BTCT và BTCT dự ứng lực tại vị trí cầu hiện trạng:

* Kết cấu phần trên:

- Cầu gồm 01 nhịp dầm bản BTCT dự ứng lực, sơ đồ nhịp dài $L=18\text{m}$. Tải trọng thiết kế HL93 (theo TCVN11823-2017). Mặt cắt ngang cầu gồm 14 phiến dầm bản BTCT DƯL M450 dài 18m, rộng $B=1.00\text{m}$, chiều cao dầm $H=0.65\text{m}$, liên kết với nhau bằng lớp BTCT liên hợp M300 dày 15cm đổ tại chỗ.

- Lớp phủ mặt cầu gồm lớp BTN C16 dày 7cm tưới nhựa dính bám nhựa pha dầu TC 0.5kg/m² và lớp phòng nước dạng phun.

- Dốc ngang mặt đường $i=2\%$ (tạo dốc ngang bằng cách thay đổi độ dốc xà mũ mố).

- Khe co giãn bằng thép dạng răng lược.

- Gối cầu cao su cốt bản thép (bố trí 2 gối/đầu dầm), KT 250x150x35mm.

- Gờ lan can cầu bằng BTCT M300, lan can cầu bằng thép mạ kẽm.

- Thoát nước: Dùng ống thoát nước D150 cm bằng gang đúc.

* Kết cấu phần dưới:

- Cầu gồm 02 móng dạng móng chữ U bằng BTCT M300 đổ tại chỗ. Bệ móng đặt trên hệ cọc BTCT M300 tiết diện 35x35cm, chiều dài cọc dự kiến $L_{dk} = 25\text{m/cọc}$, mỗi móng gồm 44 cọc. Cao trình mặt bệ móng tại -0.8m.

* Bản quá độ sau mố:

Phía sau mố, bố trí bản quá độ bằng BTCT M300 đổ tại chỗ dày 30cm, có độ dốc 10% về phía đuôi mố, bên dưới bê tông lót dày 10cm.

b. Gia cố mái phía thượng, hạ lưu cầu bằng đá hộc xây

+ Tường chân mái: Móng, tường xây đá hộc vữa xi măng cát vàng M100, phía dưới lót đá dăm dày 10cm, gia cố nền móng bằng cọc tre D(6-8)cm dài 2.5m, mật độ 25 cọc/m².

+ Mái kè: Xây đá hộc vữa xi măng cát vàng M100, phía dưới lót đá dăm dày 5cm; bố trí ống nhựa PVC D48 thoát nước mái, đầu ống phía trong bịt bằng vải lọc địa kỹ thuật KT (50x50)cm.

+ Đỉnh kè: Xây đá hộc vữa xi măng cát vàng M100, phía dưới lót đá dăm dày 5cm.

c. Hoàn trả mặt đường nhựa 2 bên đầu cầu.

- Vuốt nổi đảm bảo an toàn, êm thuận về phía 2 đầu cầu.

- Kết cấu áo đường:

+ Mặt BTN C16 dày 7cm

+ Tưới nhựa thấm bảm 1.0kg/m²

+ Móng CPĐD lớp trên dày 18cm

+ Móng CPĐD lớp dưới dày 30cm

+ Lớp cát đen đầm chặt K98 dày 50cm.

d. An toàn giao thông:

Thiết kế hệ thống an toàn giao thông (vạch sơn, biển báo, tôn lượn sóng...) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

(Các nội dung khác theo như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã thể hiện)

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a. Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế:

- QCVN 11/2008/QĐ-BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao;

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCVN 4419:1987: Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;

- TCVN 4054-2005: Đường ô tô- yêu cầu thiết kế;

- TCXDVN 13592-2022: Đường đô thị - yêu cầu thiết kế;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCCS 39:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn cơ sở Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông;

- TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn- Yêu cầu thiết kế;

- Quyết định 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông Vận tải: Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- TCVN 9844:2013: Tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu;

- TCCS 41:2022/TCĐBVN: Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9113-2012: Ống bê tông cốt thép thoát nước;

- TCVN 9113-2012: Ống bê tông cốt thép thoát nước;

- TCVN 9116:2012: Tiêu chuẩn quốc gia về cống hộp BTCT;

- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5575-2018: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- QCVN 04-05/BNNPTNT: Quy chuẩn quốc gia công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 5573:2025: Thiết kế kết cấu khối xây - Tiêu chuẩn thiết kế;

- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- Các quy trình hiện hành khác.

b. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:

- TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCCS 40:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn cơ sở Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;

- TCVN 4085:2011: Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9205:2012: Cát nghiền cho bê tông và vữa;

- TCVN 7570:2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa (yêu cầu kỹ thuật);

- TCVN 7572:2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa (phương pháp thử);

- TCVN 4314:2022: Vữa xây dựng;

- TCVN 3121-2022: Vữa xây dựng, các chỉ tiêu cơ lý;

- 14TCN 12-2002: Công trình thủy lợi – Xây và lát đá – Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu.

- QCVN 07:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- TCVN 8788-2011: Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước - Quy trình thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8791-2011: Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp;

- TCVN 6477:2016: Gạch bê tông;

- TCVN 4252:2012: Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công;

- TCVN 8818:2025: Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử;

- Tiêu chuẩn TCVN 13567-2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - thi công và nghiệm thu;

- TCVN 13567-1:2022: Mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng-thi công và nghiệm thu (phần 1: bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường);

- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - thi công và nghiệm thu;

- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng;

- Các quy trình, quy phạm hiện hành.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: **19.000.000.000 đồng** (Mười chín tỷ đồng.).

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	16.124.143.000	đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	408.577.000	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.449.893.000	đồng
+ Chi phí khác:	405.221.000	đồng
+ Chi phí dự phòng:	612.166.000	đồng

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định hiện hành.

Điều 2. Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức quản lý, triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Giám đốc Ban Quản lý dự án và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHOÁI
CHÂU
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG
YÊN
Thời gian ký: 19/10/2026 09:21:28

Nguyễn Tường Tuấn